TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 50/2021/HNGĐ-ST
Ngày 09-7-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;

2. Ông Đỗ Minh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 132/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/6/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1983, địa chỉ thường trú: Khu phố 1B, phường C, thị xã B, tỉnh B. Có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Phan Văn D, sinh năm 1988, hộ khẩu thường trú: Ấp 1, xã L, huyện C, tỉnh T tạm trú: Khu phố 1B, phường C, thị xã B, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 12/3/2021, bản tự khai ngày 01/4/2021 và lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà M và ông D đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND xã C (nay là phường C), thị xã B, tỉnh B. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, hòa thuận, được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, nhiều lần ông D gây gỗ, chửi bới, đập phá đồ đạc trong nhà. Ông D ham mê cờ bạc, chơi đề nên

không phụ giúp bà M về kinh tế gia đình. Hai vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau.

Bà M nhận thấy cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà M khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông D.

- Về con chung: Có 01 con chung là Phan Thị Thúy H, sinh ngày 01/5/2012. Hiện cháu H đang ở với bà M ổn định, bà M yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời bà M có đơn đề nghị Tòa án cho bà được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai cùng ngày 14/6/2021 và quá trình làm việc tại Tòa án bị đơn ông Phan Văn D trình bày:

Ông D và bà M đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại UBND xã C (nay là phường C), thị xã B, tỉnh B. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện.

Ông D thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn như bà M trình bày. Đúng là thời gian đầu chung sống hạnh phúc, hòa thuận, được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Do nóng tính nên nhiều lần ông D gây gỗ, chửi bới, đập phá đồ đạc trong nhà. Hai vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Trước đây, ông D có nhận được Giấy triệu tập tham gia hòa giải của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát nhưng do bận công việc nên ông không tham gia được. Nay bà M yêu cầu ly hôn thì ông D không đồng ý ly hôn, ông D cam kết sẽ sửa đổi để vợ chồng hàn gắn.

- Về con chung: Có 01 con chung là Phan Thị Thúy H, sinh ngày 01/5/2012. Hiện cháu H đang ở với bà M ổn định nhưng ông D không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ đối với ông D nhưng ông D vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý

do, do đó đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về ly hôn và tranh chấp nuôi con; bị đơn ông Phan Văn D hiện tạm trú tại khu phố 1B, phường C, thị xã B, tỉnh B. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa, tuy nhiên ông D vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị M và ông Phan Văn D tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại UBND xã C (nay là phường C), thị xã B, tỉnh B. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Như vậy, hôn nhân giữa bà M và ông D là hợp pháp.

Nguyên đơn bà M trình bày giữa bà và ông D nảy sinh nhiều mâu thuẫn do do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ông D ham mê cờ bạc, chơi đề nên không phụ giúp bà M về kinh tế gia đình. Hai vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Do đó, bà yêu cầu ly hôn với ông D.

Bị đơn ông D thừa nhận vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn nhưng ông không đồng ý ly hôn vì muốn hàn gắn với bà M.

Xét thấy, bị đơn ông D thừa nhận giữa ông và bà M có nảy sinh mâu thuẫn như bà M trình bày, do ông D nóng tính nên nhiều lần ông D gây gỗ, chửi bới, đập phá đồ đạc trong nhà. Hai vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Quá trình Tòa án triệu tập ông D tham gia hòa giải ông D đề nghị cho thời gian hàn gắn tình cảm với bà Mươi nhưng ông D không đưa ra được giải pháp để giải quyết mâu thuẫn và không có thiện chí hàn gắn với bà M, ông D nhiều lần vắng mặt không có lý do. Tòa án đã gửi giấy triệu tập ông D tham gia phiên tòa nhưng ông D vẫn vắng mặt không có lý do. Nhận thấy mâu thuẫn giữa bà M và ông D đã đến mức trầm trọng, mục đích

hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần giải quyết dứt điểm để bà M và ông D sớm ổn định cuộc sống. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M với ông D, bà M được ly hôn với ông D.

[3] Về con chung:

Bà M và ông D có 01 con chung là Phan Thị Thúy H, sinh ngày 01/5/2012. Hiện cháu H đang ở với bà M ổn định và cháu H cũng có nguyện vọng tiếp tục sống chung với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng được nuôi con chung của nguyên đơn là phù hợp có căn cứ chấp nhận nên cần giao cháu Phan Thị Thúy H, sinh ngày 01/5/2012 cho nguyên đơn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Bị đơn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở bị đơn thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng: Bà M không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con, đây là ý chí tự nguyện của bà M nên Hội đồng xét xử chấp nhận, ông D không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà M không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà M phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 227; Điều 228; Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M đối với bị đơn ông Phan Văn D về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Phan Văn D

- Về con chung:

Giao cháu Phan Thị Thúy H, sinh ngày 01/5/2012 cho bà Nguyễn Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Phan Văn D không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H do bà M không yêu cầu.

Bà M và ông D đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung. Ông D được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở ông D thực hiện quyền này. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0054424 ngày 30/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THA dân sự thị xã Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Thị Ngọc Bích